

Nâng cao hiệu quả hoạt động xuất khẩu của Việt Nam trong bối cảnh mới

NGUYỄN THỊ TUYẾT TRINH*

Sau hơn 35 năm đổi mới và hội nhập (năm 1986), xuất khẩu của Việt Nam đã phát triển vượt bậc và trở thành một động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế, đòi hỏi cần có những giải pháp đột phá để bảo đảm tăng trưởng bền vững trong giai đoạn tới.

NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Thời gian qua, đặc biệt từ năm 2012, Việt Nam đã thoát khỏi nhập siêu, đóng góp của xuất khẩu có xu hướng tăng nhiều hơn, cán cân thương mại hàng hóa đã chuyển từ mức thâm hụt cao trong giai đoạn 2000-2011 sang mức thặng dư cho các giai đoạn tiếp theo. Phân tích sâu vào hoạt động xuất khẩu của Việt Nam thời gian qua, có thể thấy những điểm sau:

Một là, về tốc độ tăng trưởng GDP và xuất khẩu của Việt Nam

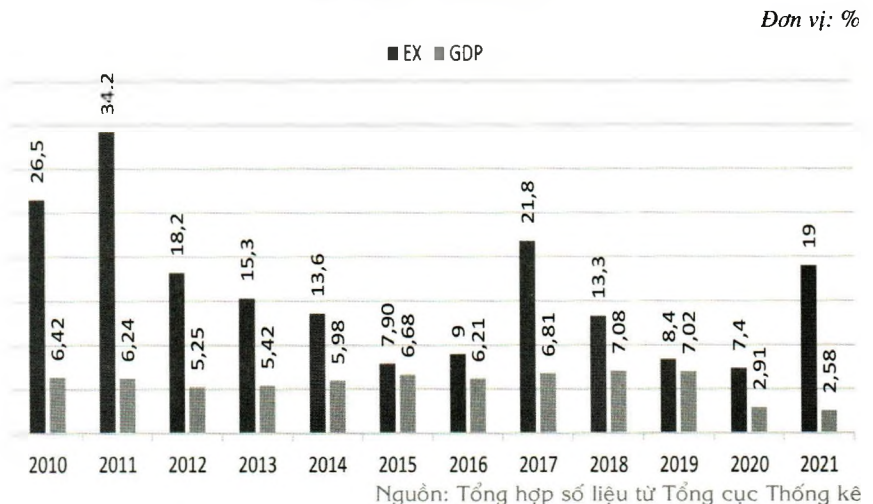
Trong giai đoạn 2010-2021, kinh tế Việt Nam đã đối mặt với 2 cú sốc lớn, trong đó cú sốc đại dịch Covid-19 (năm 2020) có phạm vi rộng lớn trên toàn thế giới, còn suy thoái kinh tế châu Âu (năm 2012) có phạm vi lan tỏa nhỏ hơn chỉ trong khu vực châu Âu. Các cú sốc này đều có ảnh hưởng đáng kể đến xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế của Việt Nam đặc biệt là các cú sốc có phạm vi toàn cầu. Cụ thể, năm 2012, do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế ở châu Âu, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu đạt 18,2%, nhưng so với tương quan của năm 2010 (26,5%), thì tốc độ tăng trưởng xuất khẩu của năm 2012 chưa phải là đóng góp đáng kể. Đồng thời, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam đạt thấp nhất (5,25%) trong giai đoạn 2010-2015 (Hình).

Bước sang năm 2020, kinh tế Việt Nam đối mặt với cú sốc được đánh giá là lớn nhất từ trước đến nay. Dịch bệnh Covid-19 đã tác động nghiêm trọng đến toàn cầu, đẩy hầu hết các nền kinh tế

lớn của thế giới lâm vào tình trạng suy thoái. Kinh tế Việt Nam cũng chịu tác động rất mạnh do độ mở cao, phụ thuộc lớn vào hoạt động xuất khẩu và đầu tư nước ngoài. Năm 2020, tăng trưởng GDP đạt 2,91% và đến năm 2021 con số này là 2,58%, đây là mức tăng thấp nhất trong cả giai đoạn 2010-2021 (Hình), nhưng vẫn là một kết quả ấn tượng trong bối cảnh dịch Covid-19 trên toàn cầu.

Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 (2020-2021), mặc dù, các bạn hàng lớn của Việt Nam là Trung Quốc, Mỹ, Liên minh châu Âu (EU), Nhật Bản, ASEAN, Trung Đông và châu Phi có sức mua giảm sút; kinh tế thế giới có nhiều rủi ro, bất ổn, thương mại toàn cầu giảm sút, song Việt Nam vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng xuất khẩu khả quan. Tổng kim ngạch xuất - nhập khẩu hàng hóa năm 2020 đạt 545,43 tỷ USD, tăng 5,2% so với năm trước; trong đó, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa năm 2020 đạt 282,63 tỷ USD, tăng 6,5% so với năm 2019. Đến năm 2021, tổng trị giá xuất nhập khẩu

HÌNH: TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GDP VÀ XUẤT KHẨU CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2010-2021



* Trưởng Cao đẳng Công Thương miền Trung



Cán cân thương mại hàng hóa năm 2020 xuất siêu 19,94 tỷ USD, giá trị xuất siêu lớn nhất từ trước đến nay

hàng hóa của cả nước đạt 668,55 tỷ USD, tăng 22,6% so với năm trước, tương ứng tăng 123,23 tỷ USD; trong đó, trị giá hàng hóa xuất khẩu đạt 336,31 tỷ USD, tăng 19%, tương ứng tăng 53,68 tỷ USD. Cán cân thương mại hàng hóa năm 2020 xuất siêu 19,94 tỷ USD, giá trị xuất siêu lớn nhất từ trước đến nay, trong khi đó năm 2021, cán cân thương mại hàng hóa của cả nước thặng dư 4,08 tỷ USD [5].

Hai là, về số lượng và chất lượng mặt hàng xuất khẩu

Nhìn chung, tất cả các mặt hàng xuất khẩu đều có kim ngạch xuất khẩu năm sau tăng hơn năm trước, đồng thời xuất hiện một số mặt hàng mới. Trong đó, nhiều mặt hàng xuất khẩu chủ lực giữ được vị trí khá ổn định và có mức tăng cao, như: nông sản, hàng điện tử, điện thoại, hàng dệt may, giày dép... Một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực ngày càng khẳng định được vị thế trên thị trường khu vực và thị trường thế giới, như: gạo xuất khẩu đứng thứ 2 thế giới, hạt điều đứng thứ 2 thế giới, cà phê đứng thứ 4 thế giới [3].

Thống kê cho thấy, nếu như năm 1991, Việt Nam mới chỉ có 4 mặt hàng đạt kim ngạch 100 triệu USD trở lên, mặt hàng đạt kim ngạch cao nhất là dầu thô cũng chỉ đạt 581 triệu USD/năm, thì năm 1997, có 7 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu từ 500 triệu USD trở lên (gồm: gạo, giày dép, dệt may, dầu thô, cà phê, hàng điện tử, hàng thủy sản); đến năm 2015, Việt Nam đã có 24 nhóm mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu đạt từ 1 tỷ USD trở lên, trong đó có 12 nhóm mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu hơn 2 tỷ USD. Năm 2021, có 35 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 93,8% tổng kim ngạch xuất khẩu, trong đó có 8 mặt hàng xuất khẩu đạt trên 10 tỷ USD, chiếm 69,7% [6].

Có được điều này là do các doanh nghiệp (DN) sản xuất trong nước đã chú trọng đầu tư đổi mới công nghệ và nâng cao chất lượng sản phẩm khá nhanh. Nhờ đó, chất lượng hàng xuất khẩu nâng lên đáng kể, bước đầu tạo ra sức cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam trên thị trường thế giới, đồng thời cũng tác động

tích cực tới chất lượng sản phẩm sản xuất trong nước.

Ba là, về cơ cấu hàng xuất khẩu

Cơ cấu hàng xuất khẩu chuyển dịch theo hướng tích cực, cụ thể là tăng nhóm hàng công nghiệp chế biến, chế tạo, giảm nhóm hàng nhiên liệu khoáng sản. Tỷ trọng giá trị xuất khẩu nhóm hàng công nghiệp chế biến, chế tạo tăng từ mức 53,6% trong tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2010 lên mức 85,2% năm 2020. Trong khi đó, tỷ trọng nhóm hàng nhiên liệu khoáng sản xuất khẩu đã giảm mạnh, từ 11,2% năm 2010 xuống 1% năm 2020 [2]. Tỷ trọng nhóm hàng công nghiệp chế biến, chế tạo tăng lên chủ yếu do tăng kim ngạch xuất khẩu hàng điện thoại các loại và linh kiện, trong khi tỷ trọng nhóm hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp giảm. Cơ cấu hàng hóa xuất khẩu theo phân loại tiêu chuẩn thương mại quốc tế (SITC) liên tục cải thiện theo chiều hướng tích cực, giảm hàm lượng xuất khẩu thô, tăng xuất khẩu sản phẩm chế biến, tinh chế. Điều này tạo điều kiện cho hàng hóa Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu. Hàng nguyên liệu thô năm 1991 chiếm trên 92% tổng kim ngạch xuất khẩu, đến năm 2015 giảm còn 34,8% và năm 2020 chỉ còn chưa đến 15%. Hàng chế biến và chế biến sâu (trong đó có hàng chế tạo) năm 1991 chỉ chiếm khoảng 8%, năm 2015 là 81,3% và năm 2020 lên tới 85,5% trong tổng kim ngạch xuất khẩu [6].

NHỮNG HẠN CHẾ

Bên cạnh các kết quả đã đạt được, hoạt động xuất khẩu của Việt Nam còn có một số hạn chế chủ yếu sau:

Thứ nhất, quy mô xuất khẩu còn nhỏ, chưa bền vững, thiếu tính liên kết và dễ bị tác động tiêu cực trước các cú sốc bên ngoài. Sản xuất hàng hóa quy mô lớn dựa trên công nghệ hiện đại còn ít. Rất ít DN Việt Nam tham gia được vào mạng sản xuất, mạng phân phối và chuỗi giá trị toàn cầu. Trong 2 năm đại dịch vừa qua (2020-2021), mặc dù hoạt động xuất khẩu của Việt Nam vẫn duy trì đà tăng trưởng và trạng thái xuất siêu, tuy nhiên mức độ tăng trưởng xuất khẩu có dấu hiệu giảm sút, không bền vững. Bên cạnh đó, dịch bệnh vẫn chưa kết thúc, còn diễn biến khá phức tạp và khó lường.

Thứ hai, mức độ đa dạng hóa thị trường của nhiều mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam chưa cao, đặc biệt là nhóm hàng nông sản, thủy sản xuất khẩu còn gặp nhiều khó khăn trong tiếp cận những thị trường, nhất là các thị trường có yêu cầu cao về chất lượng và an toàn thực phẩm, như: EU, Mỹ, Nhật Bản...

Thứ ba, xuất khẩu chủ lực chủ yếu là hàng gia công, giá trị gia tăng thấp. Các nhóm hàng chế biến, chế tạo xuất khẩu vẫn chủ yếu làm gia công, lắp ráp cho nước ngoài. Sản phẩm xuất khẩu có hàm lượng công nghệ, chất xám và giá trị gia tăng cao còn hạn chế.

Thứ tư, xuất khẩu vẫn còn phụ thuộc nhiều vào khối DN có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). DN FDI tham gia tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước từ năm 1988. Khu vực này có mức tăng trưởng xuất khẩu nhanh trong suốt thời kỳ 1988-2021. Nếu như thời kỳ 1988-1991 (chưa tính kim ngạch xuất khẩu dầu thô), khu vực FDI mới chỉ xuất khẩu được 51 triệu USD, năm 1992 tăng lên 112 triệu USD, chiếm tỷ trọng 4,3% so với tổng kim ngạch xuất khẩu chung cả nước; năm 1996 đạt 786 triệu USD, chiếm tỷ trọng 9,2%, thì năm 2020, khu vực FDI đóng góp 202,89 tỷ USD trong tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước, chiếm tỷ trọng 71,7%. Đến năm 2021, xuất khẩu của khu vực FDI (kể cả dầu thô) đạt 245,22 tỷ USD, tăng 20,9% so với năm 2020 và chiếm 72,9% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước [6]. Do sản xuất và xuất khẩu của các DN này phụ thuộc rất mạnh vào chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu, nên mỗi khi có biến động xảy ra đối với chuỗi cung ứng, xuất khẩu của Việt Nam sẽ chịu tác động mạnh.

Thứ năm, việc ứng dụng khoa học, công nghệ; quá trình chuyển đổi số, phát triển kinh doanh trên nền tảng kinh tế số, công nghệ số diễn ra chậm, đặc biệt là thương mại điện tử vẫn chưa được tận dụng triệt để khiến các mô hình kinh doanh xuất khẩu của các DN tiếp cận chậm với thị trường tiêu thụ; quá trình thông thương hàng hóa chậm, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động xuất khẩu.

Cùng với những hạn chế mang tính cố hữu ở trên, hiện nay, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam cũng đang phải đối diện với nhiều khó khăn, do nhiều nước chuyển sang áp dụng các hình thức bảo hộ mới, thay vì áp dụng các hàng rào kỹ

thuật, như: áp thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp và phòng vệ thương mại... Mặc dù Việt Nam đã và đang rất tích cực, chủ động xử lý có hiệu quả các vấn đề trong tranh chấp thương mại, áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại, vượt qua các rào cản thương mại của các thị trường nhập khẩu, nhưng tình hình thế giới đang có những diễn biến hết sức phức tạp, khó lường trong bối cảnh đại dịch Covid-19 và chủ nghĩa bảo hộ gia tăng, khiến việc xuất khẩu hàng hóa đang gặp nhiều khó khăn.

NHỮNG GIẢI PHÁP CẦN THỰC HIỆN

Định hướng chiến lược phát triển xuất khẩu giai đoạn 2021-2030 theo mục tiêu bền vững trên cơ sở nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả xuất khẩu, phát huy lợi thế so sánh và nâng cao năng lực cạnh tranh, tham gia sâu và hiệu quả vào các khâu có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị toàn cầu. Thúc đẩy mạnh mẽ chuyển dịch cơ cấu hàng hóa xuất khẩu theo chiều sâu, hướng vào lối công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đa dạng thị trường xuất khẩu, đồng thời tập trung phát triển thị trường cho các sản phẩm xuất khẩu chủ lực có sức cạnh tranh lớn, có giá trị gia tăng cao hoặc các nhóm sản phẩm có tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu lớn. Nâng cao năng lực đáp ứng các quy định, tiêu chuẩn chất lượng, an toàn thực phẩm, tiêu chuẩn trách nhiệm xã hội, môi trường, quy tắc xuất xứ trong các hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới.

Để tận dụng được cơ hội, vượt qua thách thức, hoạt động xuất khẩu của Việt Nam cần có những giải pháp đồng bộ và đột phá, như sau:

Về phía Nhà nước

- Tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách và môi trường kinh doanh, tạo điều kiện cho việc thực thi các FTA, nhất là các FTA thế hệ mới, như: CPTPP, EVFTA, UKVFTA. Mục tiêu là không chỉ hỗ trợ các DN nắm được nội dung cam kết của các hiệp định này, mà còn vận dụng và phát huy có hiệu quả ưu đãi của các hiệp định, từ đó tận dụng tối đa các cơ hội và hạn chế các thách thức đặt ra.

- Tận dụng triệt để các lợi thế về các hàng rào thuế quan và phi thuế quan để hỗ trợ cho hoạt động xuất khẩu đến các đối tác thuận lợi và dễ dàng hơn; thực hiện các cải cách hành chính để giảm thiểu độ công kênh của các thủ tục hải quan; đẩy mạnh xây dựng các kế hoạch phát triển và lưu thông thương mại biên giới trên cơ sở hoàn thiện các quy định pháp luật và nâng cấp các cơ sở hạ tầng ở các cửa khẩu biên giới, tạo cơ hội cho các DN tìm hiểu thị trường, tiếp cận các đối tác.

- Chủ động tìm kiếm và mở rộng thị trường xuất khẩu sang các đối tác mới thay cho các đối tác truyền thống trước đây đang bị ảnh hưởng mạnh của đại dịch. Theo đó, cần đẩy mạnh các hoạt động đàm phán song phương, đa phương với các thị trường, khu vực thị trường trọng điểm, nhiều tiềm năng. Tăng cường các hoạt động xúc tiến xuất khẩu theo hướng chú

trọng mở rộng thị trường ở các nước đang phát triển, các thị trường tiềm năng và thị trường mới nổi. Đồng thời, phát triển xuất khẩu theo chiều sâu tới những thị trường truyền thống, như: Mỹ, EU, Trung Quốc, các nước Đông Á, ASEAN... Tiếp tục đổi mới, tổ chức các chương trình xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu cả trong và ngoài nước trên môi trường trực tuyến và dựa trên những nền tảng mới.

- Thúc đẩy phát triển dịch vụ logistics, giảm các chi phí khai thác hạ tầng vận tải, chi phí logistics trong các hoạt động xuất - nhập khẩu và lưu thông hàng hóa trong nước, chú trọng công tác đảm bảo tiến độ lưu thông hàng hóa xuất - nhập khẩu tại các cảng biển, cửa khẩu biên giới.

- Xây dựng các chính sách hỗ trợ các DN trong nước đầu tư khoa học, công nghệ vào sản xuất, nâng cao năng suất để tạo ra những sản phẩm có giá cạnh tranh, hạn chế tối đa sự phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu.

- Duy trì và tăng cường thu hút FDI thông qua việc cải thiện môi trường đầu tư thông thoáng và minh bạch, ổn định chính trị.

- Nâng cao năng lực cạnh tranh, năng lực quản trị và sức khỏe tài chính, cũng như khả năng thích ứng để vượt qua các thách thức, rủi ro trong hoạt động giao thương quốc tế.

- Cần có những chuyển đổi mạnh về cơ cấu ngành hàng thông qua việc nghiên cứu, dự báo các nhu cầu. Các cơ quan chức năng liên quan cần tăng cường công tác nghiên cứu, dự báo, cảnh báo đối với các biện pháp phòng vệ thương mại áp dụng lên hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam.

- Tiếp tục hoàn thiện và ban hành mới các chính sách tài chính, tiền tệ, như: hạ lãi suất, giảm thuế, nâng khả năng tiếp cận nguồn vốn vay... để hỗ trợ nhanh chóng và kịp thời cho DN, đặc biệt là DN xuất - nhập khẩu cũng như người dân.

VỀ PHÍA DN

- Cần nhận thức rõ về những hàng rào kỹ thuật các nước nhập khẩu có thể áp dụng, như: thuế chống phá giá, chống trợ cấp...

- Chủ động ứng dụng công nghệ cao và công nghệ chuyển đổi số từ các khâu sản xuất, trao đổi và tiêu thụ để khai thác triệt để tiềm năng thương mại trực tuyến, phục vụ cho xuất khẩu.

- Duy trì sự kết nối, truyền thông tin đến các đối tác dưới nhiều hình thức trực tuyến để nắm bắt kịp thời các thay đổi, hạn chế tối đa những rủi ro xảy ra với các hợp đồng thương mại.

- Trong bối cảnh chi phí logistics đang tăng cao hiện nay, các DN xuất khẩu cần ưu tiên lựa chọn các DN logistics Việt Nam, nhất là DN đầu ngành, để giúp DN logistics từng bước nâng cao năng lực cung ứng.

- Từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh của DN, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm, năng lực cạnh tranh của quốc gia trên thị trường xuất khẩu. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tổng cục Thống kê (2021). *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và cả năm 2021*
2. Tổng cục Thống kê (2011-2021). *Niên giám Thống kê các năm, từ năm 2010 đến 2020*, Nxb Thống kê
3. Đỗ Thị Bích Thủy (2020). *Đánh giá về hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam năm 2020 và 5 năm 2016-2020*, Viện Nghiên cứu chiến lược, chính sách công thương
4. Thế Hải (2021). *Việt Nam liên tục xuất siêu trong giai đoạn 2016-2020*, truy cập từ <https://baodautu.vn/viet-nam-lien-tuc-xuat-sieu-trong-giai-doan-2016---2020-d137095.html>
5. An Nguyễn (2022). *Vượt "bão COVID-19" - xuất nhập khẩu có nhiều điểm sáng*, truy cập từ <https://dangcongsan.vn/kinh-te/vuot-bao-covid-19-xuat-nhap-khau-co-nhieu-diem-sang-603242.html>
6. Hoàng Đức Thân, Trần Hương Thảo, Hoàng Đức Thành (2022). *Một số giải pháp thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam đến năm 2030*, truy cập từ <https://www.tapchicongsan.org.vn/kinh-te/-/2018/825344/mot-so-giai-phap-thuc-day-xuat-khau-hang-hoa-cua-viet-nam-den-nam-2030.aspx>
7. Tổng cục Thống kê (2022). *Vượt qua khó khăn, xuất, nhập khẩu năm 2021 về đích ngoạn mục*, truy cập từ <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2022/01/vuot-qua-kho-khan-xuat-nhap-khau-nam-2021-ve-dich-ngwan-muc/>
8. UNCTAD (2020). *How Covid-19 is changing the world: A statistical perspective*, retrieved from <https://unstats.un.org/unsd/ccsa/documents/covid19-report-ccsa.pdf>
9. WTO (2020). *World Trade Organization: Trade set to plunge as Covid-19 pandemic upends global economy*, Trade Forecast Press Conference, retrieved from https://www.wto.org/english/news_e/pres20_e/pr855_e.pdf